TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 42/2020/DS – ST

Ngày: 23/7/2020

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 23/7/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2019/TLST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/ 2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Địa chỉ trụ sở: Số 02, L, Phường L, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Lệnh Q – Chức vị: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh L, Tây Bình Phước.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hữu H – Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh L, Tây Bình Phước (Văn bản ủy quyền số 10 ngày 10/8/2019) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lâm S, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thị L, sinh năm: 1978 (vắng mặt)
- Bà Thị T, sinh năm: 1933 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ngày 18/4/2012, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh L thỏa thuận và ký kết với ông Lâm S hợp đồng tín dụng số 5604LAV20121470 ngày 18/4/2012 để cho ông Lâm S vay số tiền 120.000.000đ, thỏa thuận lãi suất vay là 17%/ 1 năm, thời hạn trả là 12 tháng (tính từ ngày 18/4/2012 đến ngày 18/4/2013). Để đảm bảo khoản vay, ông Lâm S có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 184/2012/HĐBĐTS ngày 18/4/2012 được chứng thực tại UBND xã L số 263, quyển số 01/TP/CC – SCT/HĐ GD ngày 23/4/2012 để thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp C, xã C, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay thuộc ấp V, xã L), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN103680 do UBND huyện L cấp ngày 22/7/2008 đứng tên bà Thị T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lâm S đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 3.846.000đ, tiền lãi tính từ ngày 26/4/2012 đến ngày 26/4/2013 là 18.230.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 22.076.000đ, ngoài ra ông Lâm S không trả thêm số tiền gốc và tiền lãi nào nữa.

Đến nay ông Lâm S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ đơn khởi kiện, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V yêu cầu ông Lâm S trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền gốc là là 116.154.000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi tính từ ngày vi phạm 26/4/2013 đến ngày 09/8/2019 là 134.285.000đ (Một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 250.439.000đ (Hai trăm năm mươi triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng). Ngoài ra, yêu cầu ông Lâm S tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5604 LAV20121470. Yêu cầu

công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 184/2012/HĐBĐTS ngày 18/4/2012 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V với ông Lâm S.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V yêu cầu ông Lâm S và bà Thị L trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền gốc là 116.154.000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi tính từ ngày 27/4/2013 đến ngày Tòa án giải quyết ngày 23/7/2020 là 154.276.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 270.430.000đ. Ông Lâm S phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5604 LAV20121470 cho đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng rút yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 184/2012/HĐBĐTS ngày 18/4/2012 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V với ông Lâm S.

Căn cứ biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm S trình bày:

Ông Lâm S thống nhất ngày 18/4/2020, ông S có ký kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh L hợp đồng tín dụng số 5604LAV20121470 ngày 18/4/2012 để vay số tiền 120.000.000đ, thỏa thuận lãi suất vay là 17%/ 1 năm, thời hạn trả là 12 tháng (tính từ ngày 18/4/2012 đến ngày 18/4/2013). Để đảm bảo khoản vay, ông Lâm S có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 184/2012/HĐBĐTS ngày 18/4/2012 được chứng thực tại UBND xã L số 263, quyển số 01/TP/CC – SCT/HĐ GD ngày 23/4/2012 để thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Nay thuộc ấp V, xã L), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN103680 do UBND huyện L cấp ngày 22/7/2008 đứng tên bà Thị T. Mục đích vay để trồng tiêu và phát triển kinh tế gia đình.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã trả cho Ngân hàng gốc là 3.846.000đ, tiền lãi tính từ ngày 26/4/2012 đến ngày 26/4/2013 là 18.230.000đ, ngoài ra ông Lâm S không trả thêm số tiền gốc và tiền lãi nào nữa.

Hiện nay do kinh tế khó khăn ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, thì ông S đồng ý trả số tiền gốc là 116.154.000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi tính từ ngày vi phạm 24/4/2013 đến ngày Tòa án giải quyết vụ án. Nhưng hiện nay gia đình khó khăn, ông Lâm S xin gia hạn trả nợ.

Căn cứ bản tự khai, biên bản lấy lời khai quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị L trình bày:

Bà L là vợ của ông Lâm S, việc ông Lâm S vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V thì bà L có biết và thống nhất với trình bày của ông Lâm S. Mục đích vay là để trồng tiêu, phát triển kinh tế gia đình. Nay bà L đồng ý liên đới cùng ông Lâm S trả cho Ngân hàng số tiền đã vay. Nhưng hiện nay gia đình khó khăn nên xin gia hạn thời gian trả nợ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị T vắng mặt.

Căn cứ biên bản xác minh 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xác minh, bà Thị T đã già yếu, nhận thức kém, không nghe rõ, không thể trình bày ý kiến hay cung cấp lời khai được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét sử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lâm S trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền gốc là 116.154.000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi tính từ ngày 27/4/2013 đến ngày Tòa án giải quyết 23/7/2020 là 154.276.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 270.430.000đ.

Đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V có đơn khởi kiện đối với ông Lâm S về việc yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lâm S cư trú tại huyện L, tỉnh Bình Phước, nơi ký kết hợp đồng tín dụng là tại huyện L, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L được được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Lâm S, bà Thị L và Thị T vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã tống đạt các thủ tục theo quy định. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V rút yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 184/2012/HĐBĐTS ngày 18/4/2012 được ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V với ông Lâm S, nên cần ghi nhận và đình chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V yêu cầu ông Lâm S trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền gốc 116.154.*000đ (Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng)*, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 5604LAV20121470 ngày 18/4/2012, quá trình giải quyết vụ án ông S thừa nhận có ký kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh L, Tây Bình Phước để vay số tiền 120.000.000đ, thỏa thuận lãi suất vay là 17%/ 1 năm, thời hạn trả là 12 tháng (tính từ ngày 18/4/2012 đến ngày 18/4/2013). Khi vay bà Thị L có biết. Mục đích vay là để vợ chồng ông S, bà L dùng trồng tiêu, phát triển kinh tế gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm S đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 3.846.000đ. Đến nay ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Ông S, bà L thống nhất với số tiền gốc còn nợ lại là 116.154.000đ *(Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng)* và đồng ý trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, tuy nhiên hiện nay kinh tế khó khăn nên xin gia hạn thời gian trả nợ. Do không thống nhất thời gian trả vì ông Lâm S vi phạm nhiều lần nên tại phiên tòa, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V yêu cầu ông Lâm S, bà Thị L liên đới cho trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền gốc là 116.154.000đ (*Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng)* là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số 5604LAV20121470 ngày 18/4/2012 ông Lâm S vay số tiền 120.000.000đ, thỏa thuận lãi suất vay là 17%/ 1 năm, thời hạn trả là 12 tháng (tính từ ngày 18/4/2012 đến ngày 18/4/2013). Ông Lâm S đã trả cho Ngân hàng được số tiền lãi từ ngày 26/4/2012 đến ngày 26/4/2013 là 18.230.000đ, sau đó không trả nữa. Hàng năm Ngân hàng yêu cầu ông S bà L trả nợ nhưng không trả. Như vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V khởi kiện yêu cầu ông Lâm S, bà Thị L trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày vi phạm 27/4/2013 đến ngày Tòa án giải quyết 23/7/2020 số tiền 154.276.000đ là có căn cứ. Do đó cần buộc ông Lâm S và bà Thị L trả số tiền lãi 154.276.000đ.

Như vậy ông Lâm S và bà Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – Chi nhánh Lộc Ninh số tiền gốc và lãi là 270.430.000đ *(hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).*

[4]. Về chi phi phí tố tụng: Ông Lâm S bà Thị L phải chịu chi phí tố tụng là 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp nên ông Lâm S bà Thị L phải trả lại cho Ngân hàng 2.000.000đ *(hai triệu đồng).*

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lâm S, bà Thị L chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 288, 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nước Việt Nam;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Buộc ông Lâm S, và Thị L liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V (cụ thể trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh L, Tây Bình Phước) số tiền gốc là 116.154.000đ *(Một trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn đồng),* tiền lãi tính từ ngày vi phạm 24/4/2013 đến ngày Tòa án giải quyết 23/7/2020 là 154.276.000đ *(một trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).* Tổng cộng cả gốc và lãi là 270.430.000đ *(hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).*

2. Đình chỉ yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số 184/2012/HĐBĐTS ngày 18/4/2012 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V với ông Lâm S, của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – chi nhành huyện L.

3. Về án phí: Buộc ông Lâm S, bà Thị L liên đới chịu 13.521.500đ *(mười ba triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện L trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V – chi nhánh L số tiền 1.012.000đ *(Một triệu không trăm mười hai ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000655 ngày 12/12/2019 và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000656 ngày 12/12/2019.

4. Về chi phi phí tố tụng: Ông Lâm S bà Thị L phải chịu chi phí tố tụng là 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp nên ông Lâm S bà Thị L phải trả lại cho Ngân hàng 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án (Ngày 23/7/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số 5604LAV20121470 ngày 18/4/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay vốn số 5604LAV20121470 ngày 18/4/2012, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên có nghĩa vụ thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm S, bà Thị L, bà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
-*TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*